

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIAO THỦY  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ông Ngọc Lễ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Văn Cạn;

Ông Phạm Tiến Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Q; sinh năm 1997; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã G1, huyện G, tỉnh N; nơi ở hiện nay: Xóm A, xã H, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến S; sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm T, xã G1, huyện G, tỉnh N; “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai tại Tòa án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Q trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Tiến S tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G1, huyện G, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25- 9- 2020. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5- 2021 cho đến nay. Nay chị xác định vợ

chồng không thể đoàn tụ được nữa đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tiến S.

Về con: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với anh Nguyễn Tiến S:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, nhưng anh S không bày tỏ quan điểm và không đến Tòa án để làm việc.

*Kết quả thu thập chứng cứ tại xã G1, huyện G:* Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Tiến S được Ủy ban nhân dân xã G1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25- 9- 2020. Trong quá trình chung sống, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng địa phương không biết được vì cả hai đều là lao động tự do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết việc ly hôn giữa chị Q và anh S. Vợ chồng không liên quan gì về tài sản, công nợ đối với tập thể.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Q; về án phí dân sự sơ thẩm, chị Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Tiến S được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Tiến S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã G1 cấp Giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, nhưng anh S không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Q và anh S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị Phạm Thị Q xin ly hôn anh Nguyễn Tiến S là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con: Giữa chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Tiến S không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị Phạm Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Tiến S.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Q phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp theo biên lai thu số 0000105 ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí (chị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Q và anh Nguyễn Tiến S có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã G1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ông Ngọc Lễ**